

Số: 127/2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ khoản 8 Điều 36 Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2009.

Điều 3.

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

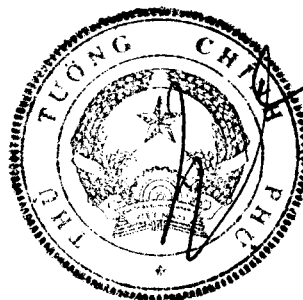
Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao căn cứ quy định tại Quyết định này chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra và thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ Công an (C34);
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). 290



Trương Vĩnh Trọng

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ

Về phòng, chống ma túy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 127 /2009/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thông tin thống kê về phòng, chống ma túy

1. Thông tin thống kê về phòng, chống ma túy bao gồm các báo cáo và số liệu thống kê về phòng, chống ma túy.
2. Thông tin thống kê về phòng, chống ma túy được hình thành từ các nguồn:
 - a) Thông tin do Bộ Công an thu thập và tổng hợp thông tin thống kê về phòng, chống ma túy từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện;
 - b) Thông tin do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện;
 - c) Thông qua các hoạt động quản lý khác của Nhà nước.

Điều 2. Chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy

Chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy bao gồm các chỉ tiêu thống kê quốc gia về phòng, chống ma túy và các chỉ tiêu khác thuộc lĩnh vực phòng, chống ma túy được áp dụng thống nhất trong cả nước và bao gồm các nhóm chính sau:

1. Nhóm chỉ tiêu về người nghiện ma túy, cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện bao gồm:
 - a) Các chỉ tiêu về người nghiện ma túy:
 - Chỉ tiêu về số người nghiện ma túy: tổng số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý; số người nghiện ma túy đang trong các cơ sở cai nghiện, trại tạm giam, nhà tạm giữ, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.
 - Chỉ tiêu về người nghiện ma túy: họ tên, năm sinh, giới tính, dân tộc, nơi cư trú, trình độ văn hoá, nghề nghiệp; thời gian và chất ma túy sử dụng; các hình thức, biện pháp cai nghiện đã áp dụng; tiền án hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính.

b) Các chỉ tiêu về cai nghiện ma túy bao gồm: số người nghiện được cai nghiện; số người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện, trại tạm giam, nhà tạm giữ, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

c) Các chỉ tiêu về quản lý người sau cai nghiện ma túy bao gồm: số người được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện; số người được quản lý sau cai tại nơi cư trú do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện; số người tái nghiện sau cai nghiện 1 năm, 2 năm, 3 năm, 4 năm, 5 năm.

d) Các chỉ tiêu về dạy nghề, tạo việc làm, cho vay vốn cho người sau cai nghiện ma túy gồm: số người được dạy nghề, số người được tạo việc làm và số người được cho vay vốn sau khi cai nghiện ma túy.

đ) Chỉ tiêu về xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy.

2. Nhóm chỉ tiêu về tội phạm và đấu tranh chống tội phạm về ma túy bao gồm:

a) Các chỉ tiêu về bắt giữ, khởi tố vụ án tội phạm ma túy bao gồm: Số vụ, số đối tượng liên quan đến ma túy bị phát hiện, bắt giữ, khởi tố; danh sách đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ, khởi tố; các loại ma túy, tiền, các tài sản, phương tiện và vật chứng thu giữ từ các vụ ma túy;

b) Các chỉ tiêu khác về tội phạm ma túy bao gồm: Số vụ điểm, điểm phức tạp về bán lẻ, tổ chức sử dụng và sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân đối tượng phạm tội (có tiền án, đã bị xử lý vi phạm hành chính về ma túy);

c) Các chỉ tiêu về truy tố tội phạm về ma túy bao gồm: Số vụ, số đối tượng bị truy tố về tội phạm ma túy theo tội danh, độ tuổi, nghề nghiệp, giới tính, quốc tịch, dân tộc và các mức hình phạt;

d) Các chỉ tiêu về xét xử tội phạm về ma túy bao gồm: Số vụ, số đối tượng phạm tội ma túy theo tội danh, độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, quốc tịch, dân tộc và các mức hình phạt;

đ) Các chỉ tiêu về thi hành án các tội phạm về ma túy.

3. Nhóm chỉ tiêu về diện tích trồng và xoá bỏ trồng cây có chứa chất ma túy trái phép, bao gồm:

a) Các chỉ tiêu về diện tích trồng cây có chứa chất ma túy trái phép (bao gồm tổng số diện tích, số hộ trồng, số diện tích vô chủ);

b) Các chỉ tiêu về xoá bỏ diện tích trồng cây có chứa chất ma túy trái phép;

c) Các chỉ tiêu về kinh phí được hỗ trợ trong việc xoá bỏ diện tích trồng trái phép cây có chứa chất ma túy và thay thế giống cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế hợp pháp (vốn lồng ghép hỗ trợ chuyển đổi cây thay thế, vốn trực tiếp chi cho chuyển đổi mô hình và vốn trực tiếp hỗ trợ tuyên truyền vận động xoá bỏ, kinh phí chi cho triệt phá...).

4. Nhóm chỉ tiêu về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy bao gồm:

a) Các chỉ tiêu về xuất khẩu chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

b) Các chỉ tiêu về nhập khẩu chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

c) Các chỉ tiêu về tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu tiền chất;

d) Các chỉ tiêu về quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

đ) Các chỉ tiêu về quản lý, tồn trữ, bảo quản, sử dụng hợp pháp chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

5. Nhóm chỉ tiêu về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống ma túy bao gồm:

a) Số liệu ký kết, thực hiện các hiệp định, biên bản thoả thuận hoặc ghi nhớ về phòng, chống ma túy; số dự án hỗ trợ cho công tác phòng, chống ma túy; phối hợp đào tạo, tập huấn, hội thảo; số lượng đoàn ra, đoàn vào; thăm và làm việc.

b) Số liệu thông tin vụ, việc trao đổi và phối hợp trong đấu tranh phòng, chống ma túy.

6. Nhóm chỉ tiêu về trang bị phương tiện cho lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy bao gồm số phương tiện kỹ thuật, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; phương tiện thông tin liên lạc; phương tiện giao thông vận tải.

7. Nhóm chỉ tiêu về kinh phí cho công tác phòng, chống ma túy bao gồm:

a) Chỉ tiêu về kinh phí đầu tư cho thực hiện các dự án có vốn nước ngoài liên quan đến phòng, chống ma túy;

b) Chỉ tiêu về kinh phí đầu tư cho thực hiện các dự án có vốn trong nước liên quan đến phòng, chống ma túy;

c) Chỉ tiêu cụ thể về sử dụng kinh phí phòng, chống ma túy (kinh phí tuyên truyền; kinh phí khen thưởng; kinh phí hỗ trợ điều tra, truy tố, xét xử; kinh phí nghiên cứu các dự án, đề án, chương trình, nghiên cứu khoa học... về phòng, chống ma túy).

8. Nhóm các chỉ tiêu khác về phòng chống ma túy (bao gồm hệ thống tổ chức, biên chế làm công tác phòng, chống ma túy; cơ sở vật chất trang bị cho công tác phòng, chống ma túy...)



Điều 3. Nguyên tắc thống kê về phòng, chống ma túy

Hoạt động thống kê, thông tin thống kê về phòng, chống ma túy phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê quy định tại Điều 4 Luật Thống kê; thực hiện chế độ bảo mật số liệu thống kê theo quy định của Luật Thống kê, Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước và Danh mục bí mật của Bộ Công an.

**Chương II
TRÁCH NHIỆM THỐNG KÊ THÔNG TIN
VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ****Điều 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

Thống kê số liệu tệ nạn ma túy và công tác phòng, chống ma túy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công tại địa bàn quản lý với các chỉ tiêu quy định tại khoản 1; điểm a khoản 2; khoản 3, khoản 7, khoản 8 Điều 2 của Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy ban hành kèm theo Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2009 (gọi tắt là Chế độ báo cáo thống kê).

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tổng hợp và kiểm tra các chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện; đồng thời báo cáo thống kê chỉ tiêu quy định tại khoản 7 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tổng hợp và kiểm tra các chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện; đồng thời báo cáo thống kê chỉ tiêu quy định tại khoản 7 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 7. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Thống kê số liệu về người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện, tại gia đình, cộng đồng theo các chỉ tiêu quy định tại điểm b, đ khoản 1 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

2. Thống kê số liệu về giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện theo các chỉ tiêu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

3. Thống kê số liệu về hợp tác quốc tế theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a khoản 5 và việc sử dụng kinh phí cho công tác phòng, chống ma túy quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 8. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Thống kê số liệu về phòng, chống tội phạm ma túy theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5, 6, 7, 8 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Y tế

Thống kê số liệu quản lý, xuất khẩu, nhập khẩu chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b, đ khoản 4, khoản 8 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê và các chỉ tiêu sau:

- a) Chỉ tiêu về kết quả nghiên cứu thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy.
- b) Chỉ tiêu về cấp, thu hồi giấy phép lưu hành thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Báo cáo thống kê về các Chương trình dự án mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai phục vụ cho việc chống trồng cây có chứa chất ma túy.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

Thống kê số liệu quản lý, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và sử dụng tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 4, khoản 8 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thống kê số liệu học sinh, sinh viên, giáo viên nghiện ma túy và công tác phòng, chống ma túy trong trường học theo các chỉ tiêu sau:

1. Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên nghiện ma túy theo từng tỉnh và theo từng trường (đối với những trường thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý).
2. Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên bỏ học, bị buộc thôi học do nghiện ma túy.
3. Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên phạm tội về ma túy
4. Chỉ tiêu về tình hình và kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy trong trường học.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Thống kê số liệu phòng, chống tệ nạn ma túy trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch theo các chỉ tiêu sau:

1. Chỉ tiêu kết quả tuyên truyền giáo dục phòng, chống ma túy thông qua các hoạt động văn hoá, nghệ thuật.
2. Chỉ tiêu kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy trong lĩnh vực thể thao, du lịch.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Thống kê số liệu thông tin và truyền thông về phòng, chống tệ nạn ma túy theo chỉ tiêu kết quả thông tin tuyên truyền phòng, chống ma túy qua từng loại hình báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử).

2. Chỉ tiêu kết quả thông tin tuyên truyền phòng, chống ma túy thông qua các hình thức truyền thông khác.

Điều 15. Trách nhiệm phối hợp giữa Bộ Công an với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Thống kê số liệu truy tố tội phạm về ma túy theo các chỉ tiêu quy định tại điểm c khoản 2, khoản 7, 8 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 16. Trách nhiệm phối hợp giữa Bộ Công an với Toà án nhân dân tối cao

Thống kê số liệu xét xử tội phạm về ma túy theo các chỉ tiêu quy định tại điểm d khoản 2, khoản 7, 8 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Thống kê số liệu về phòng, chống ma túy theo các chỉ tiêu sau:

1. Số liệu về thi hành án dân sự các tội phạm về ma túy quy định tại điểm đ khoản 2, điểm đ khoản 4 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

2. Chỉ tiêu về sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

3. Chỉ tiêu về chuyển tiền thu được từ các vụ án phạm tội về ma túy vào quỹ phòng, chống ma túy trung ương và quỹ phòng, chống ma túy ở địa phương theo quyết định của Toà án.

4. Chỉ tiêu về tài sản được thi hành án từ các vụ án phạm tội về ma túy.

5. Chỉ tiêu về tình hình lưu giữ, bảo quản chất ma túy là tang vật của các vụ án ở từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong giai đoạn xét xử, thi hành án.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện báo cáo thống kê số liệu theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b khoản 7 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chỉ đạo Tổng cục Hải quan thống kê chỉ tiêu về phòng chống ma túy theo chức năng, nhiệm vụ gồm các chỉ tiêu quy định tại điểm a khoản 2, điểm a, b, c, d khoản 4 và khoản 7, 8 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 20. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan khác thuộc Chính phủ

Thông kê tình hình tệ nạn ma túy và công tác phòng, chống ma túy thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy; quản lý thông tin về các tội phạm về ma túy, cụ thể:

a) Tổng hợp và hệ thống hoá thông tin thống kê về phòng, chống ma túy của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Xây dựng trung tâm dữ liệu về phòng, chống ma túy và quản lý dữ liệu về phòng, chống ma túy;

c) Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập, quản lý thông tin thống kê về phòng, chống ma túy.

2. Thống kê tình hình tội phạm và đấu tranh chống tội phạm về ma túy theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b khoản 2; điểm a, b, d, đ khoản 4, khoản 5, 6, 7, 8 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê.

3. Thống kê tình hình người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trong các trại tạm giam, nhà tạm giữ, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2 Chế độ báo cáo thống kê. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thống nhất số liệu về cai nghiện ma túy cả nước và số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy.

4. Là đầu mối phối hợp thực hiện trao đổi, hợp tác quốc tế về thống kê phòng, chống ma túy.

Điều 22. Trách nhiệm phối hợp giữa Bộ Công an với các tổ chức chính trị - xã hội

Bộ công an phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức đoàn thể khác thu thập số liệu thống kê về tình hình tệ nạn ma túy và công tác phòng, chống ma túy tại các cơ quan, đoàn thể trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam

Thu thập và cung cấp thông tin về tình hình tệ nạn ma túy và công tác phòng, chống ma túy theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THÔNG KÊ VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

Điều 24. Hình thức thu thập thông tin thống kê cơ sở, thống kê tổng hợp

Thông tin thống kê về phòng, chống ma túy được thu thập theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ.

Điều 25. Chế độ báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy bao gồm:

1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về phòng, chống ma túy;
2. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về phòng, chống ma túy.

Điều 26. Phương pháp thống kê cơ sở, thống kê tổng hợp

Việc thống kê thông tin về phòng, chống ma túy được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Luật Thống kê.

Mục 1

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THÔNG KÊ CƠ SỞ

Điều 27. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê cơ sở về phòng, chống ma túy gồm

Các đối tượng được quy định tại Điều 4, Điều 22, Điều 23 của Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 28. Thẩm quyền ban hành nội dung báo cáo thống kê cơ sở về phòng, chống ma túy

1. Bộ trưởng Bộ Công an phối hợp với Bộ trưởng các Bộ, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành biểu mẫu và hướng dẫn thực hiện để thu thập thông tin đối với những chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan thống kê Trung ương.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành biểu mẫu và hướng dẫn thực hiện để thu thập thông tin đối với những chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Công an và sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan thống kê Trung ương.

3. Bộ Công an, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng

ngân sách nhà nước để hoạt động phòng, chống ma túy xây dựng biểu mẫu và hướng thực hiện để thu thập thông tin thống kê về phòng, chống ma túy quy định tại Điều 22 Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 29. Kỳ hạn, thời hạn và nơi nhận báo cáo thống kê cơ sở về phòng, chống ma túy

1. Kỳ hạn báo cáo: báo cáo tháng. Số liệu được tính từ ngày 1 đến ngày cuối cùng của tháng.

2. Thời hạn báo cáo: trước ngày 3 của tháng sau.

3. Nơi nhận báo cáo:

a) Đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động phòng, chống ma túy gửi báo cáo lên đơn vị cấp trên theo hệ thống ngành, lĩnh vực.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn gửi báo cáo lên Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (Ban Thường trực phòng, chống ma túy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh).

Mục 2

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ TỔNG HỢP

Điều 30. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về phòng, chống ma túy gồm:

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các cơ quan chuyên môn về phòng, chống ma túy của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Điều 31. Thẩm quyền ban hành nội dung báo cáo thống kê tổng hợp về phòng, chống ma túy

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện để thu thập thông tin về phòng, chống ma túy áp dụng đối với cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện về những chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Công an và có sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan thống kê Trung ương.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện báo cáo thống kê tổng hợp theo các chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy được phân công quy định tại Chương II Chế độ báo cáo thống kê.

Điều 32. Kỳ hạn, thời hạn và nơi nhận báo cáo thống kê tổng hợp về phòng, chống ma túy

1. Kỳ hạn báo cáo

a) Báo cáo 6 tháng: số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 6.

b) Báo cáo năm: Số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm.

2. Thời hạn báo cáo: trước ngày 15 của tháng tiếp theo.

3. Nơi nhận báo cáo:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Công an để tổng hợp báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm.

b) Các cơ quan chuyên môn về phòng, chống ma túy của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo lên Ủy ban nhân dân cùng cấp (Ban Thường trực phòng, chống ma túy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, đồng gửi Bộ Công an.

c) Các cơ quan chuyên môn về phòng, chống ma túy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gửi báo cáo lên Ủy ban nhân dân cùng cấp (Ban Thường trực phòng, chống ma túy huyện, quận, thị xã) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương IV **CÔNG BỐ VÀ SỬ DỤNG** **THÔNG TIN THỐNG KÊ VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TUÝ**

Điều 33. Công bố thông tin thống kê về phòng, chống ma túy

1. Thông tin thống kê về phòng, chống ma túy được công bố công khai, đúng thời hạn quy định, trừ những thông tin phải giữ bí mật theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thông tin thống kê về phòng, chống ma túy do người có thẩm quyền được quy định tại Điều 30 của Chế độ báo cáo thống kê này công bố là thông tin thống kê có giá trị pháp lý.

Điều 34. Thẩm quyền công bố

1. Thủ trưởng Cơ quan thống kê Trung ương công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia về phòng, chống ma túy trên cơ sở thống kê tổng hợp chung của Bộ Công an.

2. Bộ trưởng Bộ Công an công bố thông tin thống kê về phòng, chống ma túy, trừ các thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia do cơ quan thống kê Trung ương quản lý.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ công bố thông tin thống kê về phòng, chống ma túy thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố thông tin thống kê từ kết quả các cuộc điều tra thống kê về phòng, chống ma túy theo các nội dung và phạm vi quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật Thống kê.

Điều 35. Hình thức công bố

- Các xuất bản phẩm bằng giấy, điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- Họa báo.

- Thông báo gửi các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Các hình thức công bố khác.

Điều 36. Sử dụng thông tin thống kê về phòng, chống ma túy

1. Mọi tổ chức, cá nhân được bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin đã được công bố.

2. Tổng cục Thống kê có quyền truy cập, khai thác, sử dụng, sao lưu, ghi chép lại cơ sở dữ liệu ban đầu liên quan đến các chỉ tiêu thống kê về phòng, chống ma túy thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia để sử dụng cho mục đích thống kê, trừ những thông tin thống kê mật, tối mật, tuyệt mật theo quy định của Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê về phòng, chống ma túy đã công bố phải trung thực, ghi rõ nguồn gốc của thông tin. Nghiêm cấm sử dụng thông tin thống kê về phòng, chống ma túy vào những việc làm phương hại đến lợi ích quốc gia và lợi ích của tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

Chương V CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

Điều 37. Bảo đảm nhân lực cho công tác thống kê về phòng, chống ma túy

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phải bố trí nhân lực làm công tác thống kê về phòng, chống ma túy.

2. Người làm công tác thống kê về phòng, chống ma túy được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp thống kê tiên tiến.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Bộ Y tế và các cơ quan có liên quan bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê về phòng, chống ma túy cho lực lượng làm công tác thống kê về phòng, chống ma túy; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê về phòng, chống ma túy cho người làm công tác thống kê về phòng, chống ma túy.

Điều 38. Bảo đảm tài chính cho công tác thống kê về phòng, chống ma túy

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác thống kê về phòng, chống ma túy được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các địa phương và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn cụ thể nội dung, định mức chi cho hoạt động này.

Điều 39. Bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong hoạt động thống kê về phòng, chống ma túy.

Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động thống kê về phòng, chống ma túy; ưu tiên đầu tư cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thu thập, báo cáo, công bố, quản lý thông tin, xây dựng hệ thống dữ liệu và mạng thông tin thống kê về phòng, chống ma túy./.



Trương Vĩnh Trọng